TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH SƠN** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:61/2024/QĐST-HNGĐ	*Thanh Sơn, ngày 09 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN T LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2024 về việc: Ly hôn, con chung, chia tài sản chung. Giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Lê Văn Ánh**, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu Tam Sơn 2, xã Sơn Hùng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Khu Tam Sơn 2, xã Sơn Hùng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn về phần chia tài sản chung vợ chồng và tranh chấp con chung khi ly hôn:

Ông **Vũ Tùng Dương**, sinh năm 1997.

Địa chỉ: Khu Minh Tân, xã Minh Tân, huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

Ông **Trần Đức Minh**, sinh năm 2000.

Địa chỉ: KDC Phú Liêm, Hùng Vương, thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Tiết Văn Thành** - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Lương Văn Cường** - Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhAhuyện Thanh Sơn, tỉnh Phọ.

(Theo văn bản ủy quyền số: 2965/QĐ-NHNN-PC ngày 27/12/2019).

Đại diện theo ủy quyền lại: Ông **Trần Quốc Trưởng** - Chức vụ: Phó trưởng phòng Tổng hợp Agribank chi nhAhuyện Thanh Sơn.

(Theo văn bản ủy quyền số: 329/QĐ-NHNN.ThS-TH ngày 22/4/2024).

Địa chỉ: Thị trấn Thanh Sơn, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 38, Điều 55; Điều 59, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY

Việc thuận Tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 7 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận Tình ly hôn giữa:

Anh Lê Văn A và chị Nguyễn Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

***2.1. Về con chung*:** Anh Lê Văn A và chị Nguyễn Thị T xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 22/10/2017 và cháu Lê Thùy D, sinh ngày 08/02/2020, hiện nay các cháu đang ở với chị T. Khi ly hôn anh Avà chị T thỏa thuận thống nhất: Anh A được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Ngọc D, sinh ngày 22/10/2017 kể từ tháng 7/2024; Chị T được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lê Thùy D, sinh ngày 08/02/2020 đến khi cháu thành niên. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.2. Về tài sản chung:

Anh Lê Văn Avà chị Nguyễn Thị T tự nguyện thỏa thuận, thống nhất về việc chia tài sản chung như sau:

- Chị Nguyễn Thị T được quyền sử dụng 712,7m^2 (trong đó có 50m2 đất ở và 662,7m2 đất trồng cây lâu năm) tại thửa số 125-2, tờ bản đồ 46, địa chỉ thửa đất tại: Khu Tam Sơn 2, xã Sơn Hùng, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ, được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: DI 323417, vào sổ cấp GCN: CH 03593 ngày 24/02/2023 đứng tên anh Lê Văn Avà chị Nguyễn Thị T. Chị T được sở hữu, sử dụng toàn bộ tài sản trên đất gồm: Nhà tầng áp mái xây năm 2019, sử dụng kết cấu bê tông cốt thép chịu lực có diện tích 120m^2; khu bếp diện tích 32m^2; sân trước nhà 66m^2; sân sau nhà 32,5m^2 có mái lợp; khu bếp củi diện tích 4m^2; tường rào quanh nhà đất và cổng. Tổng

giá trị nhà và đất theo thống nhất của chị T và anh Alà 1.900.000.000đ (Một tỷ, chín trăm triệu đồng).

- Chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán tiền chênh lệch tài sản cho anh Lê Văn Alà 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Chị T đã thanh toán cho anh Atoàn bộ số tiền 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng) ngày 01/7/2024.

- Giá trị tài sản mà chị T được hưởng sau khi thanh toán tiền chênh lệch tài sản và trả nợ ngân hàng là: 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng).

- Anh Lê Văn Ađược sở hữu số tiền chị Nguyễn Thị T thanh toán chênh lệch tài sản là: 700.000.000đ (Bảy trăm triệu đồng). Anh Ađã nhận đủ số tiền trên.

2.3. Về nợ chung: Đại diện theo ủy quyền Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - ông Trần Quốc Trưởng và anh Lê Văn Ánh, chị Nguyễn Thị T thống nhất thỏa thuận: Chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - chi nhAhuyện Thanh Sơn, Phú Thọ theo hợp đồng tín dụng số 2715-LAV-202301249 ngày 28/3/2023 và hợp đồng tín dụng số 2715-LAV-202301985 ngày 12/5/2023.

2.4. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.500.000đ (Năm triệu, năm trăm nghìn đồng). Xác nhận anh Ađã nộp đủ số tiền trên. Nay chị Nguyễn Thị T có trách nhiệm thanh toán lại cho anh Asố tiền 2.750.000đ (Hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng). Chị T đã thanh toán đủ cho anh Asố tiền 2.750.000đ ngày 01/7/2024.

2.5. Về công sức đóng góp, tư trang riêng: Anh Lê Văn Avà chị Nguyễn Thị T trình bày vợ chồng không có, ly hôn anh chị đều không có đề nghị gì.

2.6. Về án phí:

- Án phí ly hôn: Anh Lê Văn Atự nguyện nộp toàn bộ số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, xác nhận anh Ađã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0004251 ngày 30/01/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Hoàn trả lại cho anh Asố tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về án phí chia tài sản chung: Anh Lê Văn Aphải nộp số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) tiền án phí chia tài sản chung tương ứng với phần giá trị tài sản được chia. Xác nhận anh Ađã nộp 21.000.000đ (Hai mươi mốt triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn theo biên lai thu số: 0004269

ngày 14/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Sơn. Hoàn trả lại cho anh Asố tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp.

Chị Nguyễn Thị T phải nộp số tiền 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng) tiền án phí chia tài sản chung tương ứng với phần giá trị tài sản được chia.

"Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự."

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã Sơn Hùng;
- Lưu HS - VP.

Thẩm phán

Trần Thị Duyên Hòa